

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 6**

(Từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;
Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 14/6/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-HĐND ngày 26/6/2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 184/BC-UBND ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này "Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội".

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2.1. Chủ tịch UBND Thành phố ban hành ngay trong năm 2018 quy định về thẩm quyền quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các nội dung thuộc thẩm quyền riêng của Chủ tịch UBND Thành phố theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

2.2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

2.3. Ủy ban nhân dân Thành phố tập hợp các vấn đề phát sinh cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xử lý và báo cáo với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

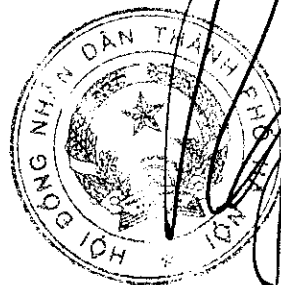
Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 14/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa XIII về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. / *km*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Trang web của HĐND Thành phố;
- Lưu: VTQ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
VỀ phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018
của HĐND thành phố Hà Nội)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Nghị quyết này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, gồm: Mua sắm, thuê, giao, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố bao gồm các loại tài sản theo quy định Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được giao cho các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, các doanh nghiệp (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của Thành phố quản lý, sử dụng.

3. Ngoài các nội dung tại Quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các cơ quan hành chính Nhà nước, bao gồm: Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cơ quan).

2. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp.

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, được giao. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của Thành phố.

2. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản công, tạo điều kiện đầy mạnh phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công cho Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước và Thành phố về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công.

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Mua sắm tài sản công là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mua sắm để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù

hợp tiêu chuẩn, định mức do Chính phủ, hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm được giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Mua sắm tài sản công khác (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều này):

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản công từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định về thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định sử dụng kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, các nguồn thu khác để mua sắm tài sản công theo qui định hiện hành và phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

c) Việc mua sắm đối với các tài sản công thuộc Danh mục mua sắm tập trung (cấp quốc gia hoặc cấp Thành phố), các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố về mua sắm tập trung.

d) Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện như đối với việc mua sắm tài sản công khác quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc các Sở, Ban, ngành quyết định việc thuê tài sản công (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; trụ sở làm việc và công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập (Gồm: Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) thuộc quận, huyện, thị xã quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc và công

trình sự nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành theo thẩm quyền.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các tài sản khác của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thu hồi đối với tài sản công khác (trừ các tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp phải thu hồi quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi các tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều này nếu Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã không quyết định thu hồi theo thẩm quyền, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) trong phạm vi nội bộ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) giữa các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (bao gồm cả xã, phường, thị trấn).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán đấu giá nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (Không bao gồm nhà biệt thự thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/07/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Đề án quản lý nhà biệt thự

trên địa bàn thành phố Hà Nội), xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Đối với nhà, đất là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất)/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất trong nguyên giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bán tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 Điều này) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công:

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công, gồm:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo qui hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố quản lý.

b) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, hoặc thuộc quận, huyện, thị xã.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể quyết định thanh lý tài sản công (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định thanh lý tài sản công:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp hoặc các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo qui hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã quản lý.

b) Tài sản công khác (trừ xe ô tô) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (trừ tài sản công quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản 3 Điều này) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 10. Thảm quyền tiêu hủy tài sản công.

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định tiêu hủy tài sản (xóa bỏ sự tồn tại của tài sản) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng. Việc tiêu hủy tài sản công phải đảm bảo quy định của pháp luật về an toàn phòng chống cháy nổ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 11. Thảm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận huyện, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản khác (trừ các tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chương III QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định:

a) Bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và thuộc phạm vi quản lý của các quận, huyện, thị xã, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.



Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 tỷ đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương trước khi quyết định bán đấu giá theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

b) Phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Thành phố quản lý, hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc quyền quản lý của từ 02 quận, huyện, thị xã trở lên, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác; quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của quận, huyện, thị xã, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền xác lập sở hữu toàn dân về tài sản.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

- Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (trừ các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quy định tại các Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

- Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

- Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định giải thể theo ủy quyền.

- Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế (trừ di sản không có người thừa kế là bất động sản; tài sản



bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tịch thu, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính về phương án xử lý tài sản.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ các tài sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), bao gồm: Bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Sở Tài chính (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tiếp nhận (trừ bất động sản, xe ô tô và tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản), trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế; hàng hóa tồn đọng không thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ và các tài sản khác có giá trị theo giá xác định lại từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP), trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt phương án xử lý tài sản khác (trừ bất động sản vô chủ và các tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) có giá trị theo giá xác định lại dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở của Trường phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện như đối với việc xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 của Quy định này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ trên về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời Ủy ban nhân dân quận huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn Thành phố.

b) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường,

thị trấn triển khai thực hiện việc đăng ký, kê khai tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; thực hiện chế độ báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố phương án quản lý, sử dụng tài sản trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, cho thuê, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo phân cấp.

e) Tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp.

3. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp và theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công, chịu trách nhiệm trước Thành phố về quyết định của mình.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc về quản lý sử dụng, lập và quản lý hồ sơ về tài sản, thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định hiện hành.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Xử lý, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý tài chính, các khoản thu, chi có liên quan khi thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác theo phân cấp và các quy định hiện hành.

e) Hàng năm báo cáo, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công đến thời điểm 31 tháng 12, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 01 của năm sau để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài chính.

f) Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã khi ban hành quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp có trách nhiệm phối hợp và gửi quyết định về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tài chính.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý sử dụng tài sản công

a) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý; sử dụng tài sản công, lập hồ sơ, thực hiện các trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng trụ sở, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, góp vốn liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản công của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

thuộc cấp mình quản lý, theo quy định của pháp luật và thẩm quyền tại Quy định này.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, lập hồ sơ, thực hiện các trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi, thanh lý, bán, tiêu hủy và các hình thức xử lý tài sản công khác, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản theo phân cấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị mình.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai tài sản công vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của Bộ Tài chính.

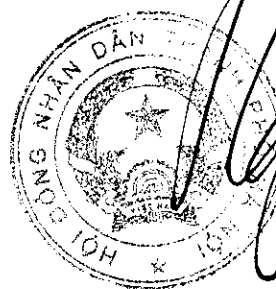
d) Đề xuất kiến nghị, lập phương án quản lý, sử dụng tài sản công báo cáo cấp có thẩm quyền theo phân cấp.

e) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền, đảm bảo sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ và hiệu quả, tiết kiệm.

f) Hàng năm đến thời điểm 31 tháng 12, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

g) Lập, quản lý hồ sơ, hạch toán, ghi chép tài sản, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, thực hiện kê khai, đăng ký tài sản công được giao theo đúng quy định./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc